

Số: ~~5039~~/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~09~~ tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nông thôn mới
theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016 – 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Tờ trình số 523/TTr-VPĐP ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.
(Đính kèm phụ lục)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở - ngành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, đánh giá tiêu chí theo thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được phân công.

(Đính kèm phụ lục).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung khác của Bộ tiêu chí không đề cập tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Căn cứ tình hình thực tế, Bộ tiêu chí này sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của thành phố trong từng giai đoạn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ngành, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

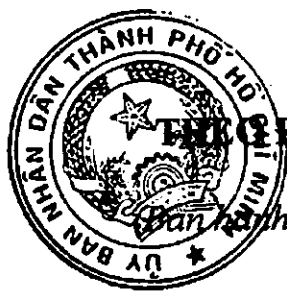
Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Ban CĐ các CTMTQG TW;
- Bộ NN và PTNT;
- VP Điều phối/Ban CĐ CTXDNTMTW;
- Thường trực Thành ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên BCD của TU về CT XDNTM TP;
- VP Điều phối CTXDNTM TP;
- BCD CTXDNTM 05 huyện;
- VPUB: CVP, PVP/KT;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, (KT/H.A). 66

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÒNG ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
THƯỜNG TRỰC



Lê Thanh Liêm



**BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
THỰC ĐẶC THÙ VÙNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. QUY HOẠCH

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
1. Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt	Đạt
	1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
2. Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn		100%
	2.2. Đường trục ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm			100%
	2.3. Đường hẻm, tổ sạch và không lầy lội vào mùa mưa			100% cứng hóa
	2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm			100%
3. Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững		Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
	3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt
4. Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt	Đạt
	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	≥99%	100%
5. Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥80%	100%	100%
6. Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc		Đạt
	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định			Đạt
	6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa từng dân tộc		Đạt
8. Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã		Đạt
	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet			Đạt
	8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp			Đạt
	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành			Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
9. Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥80%	≥90%	≥95%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
10. Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥45	≥59	≥ 60
11. Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định 58/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố)	≤6%	≤1%	≤1%
12. Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	Đạt	≥95%
13. Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
14. Giáo dục và Đào tạo	14.1 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt	Đạt	Đạt

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
	14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	≥85%	≥90%	≥90%
	14.3 Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	≥40%	≥45%	≥80%
15. Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	Đạt	≥90%
	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤21,8%	≤14,3%	≤14,3%
16. Văn hóa	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	Đạt	Đạt
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥ 95% (≥ 60% nước sạch)	≥ 98% (≥ 65% nước sạch)	100%
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%.
	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
	17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc		Đạt
	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
	17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	≥90%	≥90%
	17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥70%	≥80%	≥80%
	17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HCM
		Chỉ tiêu chung	Đông Nam Bộ	
18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
	18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên			Đạt
	18.4. Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên			Đạt
	18.5. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt danh hiệu tiên tiến	100%	100%	100%
	18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
	18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
19. Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra án đặc biệt nghiêm trọng; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế hoặc kéo giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



PHỤ LỤC
ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, THẨM ĐỊNH,
CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TIÊU CHÍ

*kèm theo Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí
I. QUY HOẠCH		
1. Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	- Sở Quy hoạch và Kiến trúc
	1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	
II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI		
2. Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	- Sở Giao thông vận tải
	2.2. Đường trục ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	
	2.3. Đường hẻm, tổ sạch và không lầy lội vào mùa mưa	
	2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	
3. Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định phòng chống thiên tai tại chỗ	

4. Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	- Sở Công Thương
	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	
5. Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	- Sở Giáo dục và Đào tạo
6. Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	- Sở Văn hóa và Thể thao
	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	
	6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	
7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	- Sở Công Thương
8. Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	- Sở Thông tin và Truyền thông
	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	
	8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	
	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	
9. Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	- Sở Xây dựng
	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn	

	theo quy định	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT		
10. Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thống kê
11. Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định 58/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững)
12. Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
13. Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (phụ trách chính) - Liên minh hợp tác xã thành phố
	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	
IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG		
14. Giáo dục và Đào tạo		Trên cơ sở văn bản thẩm định, công nhận đạt chỉ tiêu trong tiêu chí 14 của các Sở liên quan. Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tổng hợp có văn bản công nhận chung đạt tiêu chí 14
	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	- Sở Giáo dục và Đào tạo
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	- Sở Giáo dục và Đào tạo

	14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (phụ trách chính) - Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trong lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp)
15. Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	- Sở Y tế
	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	
	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	
16. Văn hóa	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	- Sở Văn hóa và Thể thao
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	<i>* Trên cơ sở văn bản thẩm định, công nhận đạt chỉ tiêu trong tiêu chí 17 của các Sở, ngành, đơn vị liên quan. Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tổng hợp và có văn bản công nhận chung đạt tiêu chí 17.</i>	
	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	- Sở Giao thông vận tải
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	- Sở Tài nguyên và Môi trường
	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	
	17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	
	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	
	17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	

	17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phụ trách chính) - Sở Tài nguyên và Môi trường
	17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	- Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	<i>* Trên cơ sở văn bản thẩm định, công nhận đạt chỉ tiêu trong tiêu chí 18 của các Ban Đảng, đoàn thể và của Sở Nội vụ, Sở Nội vụ sẽ tổng hợp có văn bản công nhận chung đạt tiêu chí 18</i>	
	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	- Sở Nội vụ
	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	- Ban Tổ chức Thành ủy
	18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	- Ban Tổ chức Thành ủy
	18.4. Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên	- Sở Nội vụ
	18.5. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt danh hiệu tiên tiến	- Ban Dân vận Thành ủy
	18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	- Sở Tư pháp
	18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội - Sở Văn hóa và Thể thao
19. Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	- Bộ Tư lệnh thành phố

	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra án đặc biệt nghiêm trọng; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế hoặc kéo giảm liên tục so với các năm trước	- Công an thành phố
--	--	----------------------------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ